

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì bố thí Ba-la-mật-đa vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự Ba-la-mật-đa vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì bố thí Ba-la-mật-đa vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; tịnh giới cho đến tịnh lự Ba-la-mật-đa vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì bố thí Ba-la-mật-đa vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; tịnh giới cho đến tịnh lự Ba-la-mật-đa vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì bố thí Ba-la-mật-đa vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; tịnh giới cho đến tịnh lự Ba-la-mật-đa vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; vì bố thí Ba-la-mật-đa là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; tịnh giới cho đến tịnh lự Ba-la-mật-đa là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; vì bố thí Ba-la-mật-đa vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; tịnh giới cho đến tịnh lự Ba-la-mật-đa vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì bố thí Ba-la-mật-đa vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; tịnh giới cho đến tịnh lự Ba-la-mật-đa vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì bố thí Ba-la-mật-đa viển ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viển ly; tịnh giới cho đến tịnh lự Ba-la-mật-đa viển ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viển ly; vì bố thí Ba-la-mật-đa tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; tịnh giới cho đến tịnh lự Ba-la-mật-đa tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì bố thí Ba-la-mật-đa bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; tịnh giới cho đến tịnh lự Ba-la-mật-đa bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì bố thí Ba-la-mật-đa bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; tịnh giới cho đến tịnh lự Ba-la-mật-đa bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; vì bố thí Ba-la-mật-đa vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; tịnh giới cho đến tịnh lự Ba-la-mật-đa vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thế lực của bố thí Ba-la-mật-đa chẳng thành tựu nên biết thế lực, Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu; thế lực của tịnh giới cho đến tịnh lự Ba-la-mật-đa chẳng thành tựu nên biết thế lực Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì pháp không nội vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đôi khác, pháp không bốn tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì pháp không nội vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì pháp không nội vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì pháp không nội vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; vì pháp không nội là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh là không, nên biết Bát-nhã-la-mật-đa cũng không; vì pháp không nội vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp không nội vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp không nội viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; vì pháp không nội tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì pháp không nội bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì pháp không nội bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; vì pháp không nội vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh vô tri

giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thế lực của pháp không nội chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu; thế lực của pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát, là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì chơn như vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, định pháp, trụ pháp, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì chơn như vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì chơn như vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì chơn như vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; vì chơn như là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; vì chơn như vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì chơn như vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì chơn như viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; vì chơn như tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì chơn như bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì chơn như bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; vì chơn như vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thế lực của chơn như chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-

đa cũng chẳng thành tựu; thế lực của pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghi chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì Thánh đế khổ vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; Thánh đế tập, diệt, đạo vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì Thánh đế khổ vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; Thánh đế tập, diệt, đạo vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì Thánh đế khổ vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; Thánh đế tập, diệt, đạo vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì Thánh đế khổ vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; Thánh đế tập, diệt, đạo vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; vì Thánh đế khổ là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; Thánh đế tập, diệt, đạo là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; vì Thánh đế khổ vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; Thánh đế tập, diệt, đạo vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Thánh đế khổ vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; Thánh đế tập, diệt, đạo vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Thánh đế khổ viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; Thánh đế tập, diệt, đạo viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; vì Thánh đế khổ tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì Thánh đế khổ bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; Thánh đế tập, diệt, đạo bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì Thánh đế khổ bất khả tư nghi nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghi; Thánh đế tập, diệt, đạo bất khả tư nghi nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghi; vì Thánh đế khổ vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; Thánh đế tập, diệt, đạo vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thế lực của Thánh đế khổ chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu; thế lực của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì bốn tịnh lự vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; bốn vô lượng, bốn định vô sắc vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì bốn tịnh lự vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; bốn vô lượng, bốn định vô sắc vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì bốn tịnh lự vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; bốn vô lượng, bốn định vô sắc vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì bốn tịnh lự vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; bốn vô lượng, bốn định vô sắc vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; vì bốn tịnh lự là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; bốn vô lượng, bốn định vô sắc là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; vì bốn tịnh lự vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; bốn vô lượng, bốn định vô sắc vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì bốn tịnh lự vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; bốn vô lượng, bốn định vô sắc vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì bốn tịnh lự viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; bốn vô lượng, bốn định vô sắc viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; vì bốn tịnh lự tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; bốn vô lượng, bốn định vô sắc tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì bốn tịnh lự bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; bốn vô lượng, bốn định vô sắc bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì bốn tịnh lự bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; bốn vô lượng, bốn định vô sắc bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; vì bốn tịnh lự vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; bốn vô lượng, bốn định vô sắc vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thể lực của bốn tịnh lự chẳng thành tựu nên biết thể lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu; thể lực của bốn vô lượng, bốn định vô sắc chẳng thành tựu nên biết thể lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát, là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì tám giải thoát vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì tám giải thoát vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-

la-mật-đa cũng vô diệt; vì tám giải thoát vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì tám giải thoát vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; vì tám giải thoát là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; vì tám giải thoát vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì tám giải thoát vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì tám giải thoát viển ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viển ly; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ viển ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viển ly; vì tám giải thoát tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì tám giải thoát bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì tám giải thoát bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; vì tám giải thoát vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thể lực của tám giải thoát chẳng thành tựu nên biết thể lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa tri cũng chẳng thành tựu; thể lực của tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ chẳng thành tựu nên biết thể lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì bốn niệm trụ vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; bốn chánh đoạn, bốn thân tức, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi thánh đạo vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì bốn niệm trụ vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì bốn niệm trụ vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh;

bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì bốn niệm trụ vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; bốn niệm trụ là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không, bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; vì bốn niệm trụ vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì bốn niệm trụ vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì bốn niệm trụ viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; vì bốn niệm trụ tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì bốn niệm trụ bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì bốn niệm trụ bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; vì bốn niệm trụ vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thể lực của bốn niệm trụ chẳng thành tựu nên biết thể lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu; thể lực của bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo chẳng thành tựu nên biết thể lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì pháp môn giải thoát không vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì pháp môn giải thoát không vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì pháp môn giải thoát không vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì pháp môn giải thoát không vô sở hữu nên

biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; vì pháp môn giải thoát không là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; vì pháp môn giải thoát không vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp môn giải thoát không vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp môn giải thoát không viển ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viển ly; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện viển ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viển ly; vì pháp môn giải thoát không tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì pháp môn giải thoát không bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì pháp môn giải thoát không bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; vì pháp môn giải thoát không vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thể lực của pháp môn giải thoát không chẳng thành tựu nên biết thể lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu; thể lực của pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện chẳng thành tựu nên biết thể lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì năm loại mắt vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; sáu phép thần thông vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì năm loại mắt vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; sáu phép thần thông vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì năm loại mắt vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; sáu phép thần thông vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì năm loại mắt vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; sáu phép thần thông vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu;

năm loại mắt là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; sáu phép thần thông là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; vì năm loại mắt vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; sáu phép thần thông vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì năm loại mắt vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; sáu phép thần thông vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì năm loại mắt viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; sáu phép thần thông viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; vì năm loại mắt tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; sáu phép thần thông tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì năm loại mắt bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; sáu phép thần thông bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì năm loại mắt bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; sáu phép thần thông bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; vì năm loại mắt vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; sáu phép thần thông vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thế lực của năm loại mắt chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu; thế lực của sáu phép thần thông chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì mười lực Phật vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì mười lực Phật vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì mười lực Phật vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì mười lực Phật vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; mười lực Phật là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; vì mười lực Phật vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; bốn điều không sợ cho đến mười

tám pháp Phật bất cộng vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì mười lực Phật vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì mười lực Phật viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; vì mười lực Phật tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì mười lực Phật bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì mười lực Phật bất khả tư nghi nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghi; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng bất khả tư nghi nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghi; vì mười lực Phật vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thể lực của mười lực Phật chẳng thành tựu nên biết thể lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu; thể lực của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng thành tựu nên biết thể lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói đại Bát-nhã ba la mật đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì pháp không quên mất vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; tánh luôn luôn xả vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì pháp không quên mất vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; tánh luôn luôn xả vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì pháp không quên mất vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; tánh luôn luôn xả vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì pháp không quên mất vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; tánh luôn luôn xả vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; vì pháp không quên mất là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; tánh luôn luôn xả là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; vì pháp không quên mất vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; tánh luôn luôn xả vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp không quên mất vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện;

tánh luôn luôn xả vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp không quên mất viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; tánh luôn luôn xả viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa thật cũng viễn ly; vì pháp không quên mất tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; tánh luôn luôn xả tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì pháp không quên mất bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; tánh luôn luôn xả bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì pháp không quên mất bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; tánh luôn luôn xả bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; vì pháp không quên mất vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; tánh luôn luôn xả vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thể lực của pháp không quên mất chẳng thành tựu nên biết thể lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu; thể lực của tánh luôn luôn xả chẳng thành tựu nên biết thể lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì trí nhất thiết vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì trí nhất thiết vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì trí nhất thiết vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì trí nhất thiết vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; vì trí nhất thiết là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; vì trí nhất thiết vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì trí nhất thiết vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì trí nhất thiết viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; vì trí nhất thiết tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh;

trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì trí nhất thiết bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì trí nhất thiết bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; vì trí nhất thiết vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thế lực của trí nhất thiết chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu; thế lực của trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; tất cả pháp môn Tam-ma-địa vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; tất cả pháp môn Tam-ma-địa vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; tất cả pháp môn Đà-la-ni là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; tất cả pháp môn Tam-ma-địa vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; tất cả pháp môn Tam-ma-địa vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; tất cả pháp môn Tam-ma-địa viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; tất cả pháp môn Tam-ma-địa tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; tất cả pháp môn Tam-ma-địa bất

khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni bất khả tư nghi nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghi; tất cả pháp môn Tam-ma-địa bất khả tư nghi nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghi; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; tất cả pháp môn Tam-ma-địa vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thể lực của tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thành tựu nên biết thể lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu; thể lực của tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng thành tựu nên biết thể lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì Dự-lưu vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì Dự-lưu vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì Dự-lưu vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì Dự-lưu vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; vì Dự-lưu là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; vì Dự-lưu vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Dự-lưu vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Dự-lưu viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; vì Dự-lưu tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì Dự-lưu bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì Dự-lưu bất khả tư nghi nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghi; Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán bất khả tư nghi nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghi; vì Dự-lưu vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri

giác; vì thế lực của Dự-lưu chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu; thế lực của Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con dựa vào ý này nên nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.

Quyển Thứ 180

HẾT